

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2025/DS-PT

Ngày 03-9-2025

V/v: “Tranh chấp Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản thừa kế, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo di chúc, buộc tháo dỡ công trình trên đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm-Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 609/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản thừa kế, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo di chúc, buộc tháo dỡ công trình trên đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thanh T1, sinh năm 1993; cư trú tại: Số C đường H, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Bà Dương Thị Kim L là Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; cư trú tại: Số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1976; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 2001; có đơn vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh T3: Ông Nguyễn Anh T4 là Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số D đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Duy T5, sinh năm 1980; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1984; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1990; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Công N1, sinh năm 1951; vắng mặt.

6. Bà Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1955; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; vắng mặt.

8/ Ông Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1984; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1987; vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982.

13. Ông Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1978.

Cùng cư trú tại: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp);

14. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Ú1, sinh năm 1964; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: 2331-22nd St SW M, IA 50401-6204 (Ban G), USA. vắng mặt.

16. Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn L1; có đơn xử vắng mặt.

17. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ);

Địa chỉ trụ sở: Số C đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp);

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thanh T3 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện 31/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Cha bà là Nguyễn Văn M3, sinh năm 1922, chết năm 2009, mẹ bà là Ngô Kim T7 sinh năm 1929 chết ngày 07/9/2021. Cụ M3 và cụ T7 có các con chung là ông Nguyễn Thanh N3, sinh năm 1952 chết năm 2019, Nguyễn Công N1, sinh năm 1951, Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1956 chết năm 2017, Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, Nguyễn Thị M2, sinh năm 1961, Nguyễn Thị Ú1, sinh năm 1964, Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966, Nguyễn Văn L2, sinh năm 1968 chết năm 1987, Nguyễn Văn T8, sinh năm 1970 chết năm 2008.

Vợ con của ông Nguyễn Văn T8 gồm: Lê Thị T2, sinh năm 1976 (vợ); Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 2001 (con).

- Trước khi chết, bà T7 có đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể:

+ Diện tích 1223m² đất (trong đó có 300m² đất ở và 923m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007 đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp). Trên đất có căn nhà kiên cố.

+ Diện tích 2074,8m² đất thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581 ngày 20/7/2007 đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp).

Toàn bộ tài sản trên hiện do bà T2 và chị T3 đang quản lý sử dụng.

- Theo Di chúc số 142 ngày 25/9/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thì bà T7 định đoạt tài sản trên như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu: Diện tích đất 625,4m² (ngang 14m dài 46,6m) thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp). Trên đất có căn nhà kiên cố gắn liền với đất, toàn bộ vật dụng có trong nhà, cây trồng trên đất (vị trí phần đất này phía Tây giáp với đất của bà Nguyễn Thị K1, vợ ông Nguyễn Ngọc T9).

2/ Chia cho cháu T3 được hưởng:

- Diện tích 2074,8m² đất thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp).

- Diện tích 570,6m² đất còn lại cùng căn nhà (nhà dưới) gắn liền với đất thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp).

Khi cụ T7 còn sống, bà T2 và chị T3 khởi kiện cụ T7 tranh chấp “Chia thừa kế, chia tài sản chung của hộ gia đình, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm theo Bản án số 30/2020/DSST ngày 27/8/2020 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T2 và chị T3.

- Bản án dân sự phúc thẩm số 210/2022/DSPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2020/DSST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2 và chị T3. Tuy nhiên từ đó đến nay, bà T2 và chị T3 vẫn tiếp tục, quản lý toàn bộ di sản của cụ T7 để lại, không đồng ý chia cho bà T, nên hôm nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo di chúc số 142 ngày 25/9/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do cụ Ngô Kim T7 chết để lại gồm:

+ Diện tích đất 625,4m² (ngang 14m, dài 46,6m) thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp). Trên đất có căn nhà kiên cố gắn liền với đất, toàn bộ vật dụng có trong nhà, cây trồng trên đất (vị trí phần đất này phía Tây giáp với đất của bà Nguyễn Thị K1, vợ ông Nguyễn Ngọc T9).

+ Căn nhà kiên cố gắn liền với đất;

+ Vật dụng trong nhà gồm:

. 01 tủ thờ gỗ cẩm lai, tạm tính 200.000.000 đồng;

. 02 bộ ván ngựa gỗ gõ đỏ, tạm tính 200.000.000 đồng;

- . 01 giường ngủ bằng gỗ, tạm tính 20.000.000 đồng;
- . 01 đồng hồ treo tường, tạm tính 5.000.000 đồng;
- . 01 bàn dài bằng gỗ gõ đỏ có cần óc và 6 ghế ngồi, tạm tính 100.000.000 đồng.
- . 02 bàn tròn bằng inox, tạm tính 2.000.000 đồng.

+ Cây trồng trên đất: nhiều cây nhãn trên 10 năm tuổi nhưng bà T2 đã đốn bỏ, không yêu cầu giải quyết. Có nhiều cây nhãn con bà T2 mới trồng, bà yêu cầu bà T2 nhổ bỏ hoặc di dời.

Buộc bà Lê Thị T2 và cháu Nguyễn Thanh T3 di dời vật dụng cá nhân giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và toàn bộ vật dụng trong nhà nêu trên cho bà quản lý, sử dụng, định đoạt.

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại đơn phản tố ngày 07/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:

Ông nội của chị là cụ Nguyễn Văn M3 có 03 người con riêng tên Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Huỳnh Đ3.

Cụ Nguyễn Văn M3 chung sống với cụ Ngô Kim T7 có 09 người con gồm: ông Nguyễn Thanh N3, sinh năm 1952 chết năm 2019, Nguyễn Công N1, sinh năm 1951, Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1956 chết năm 2017, Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, Nguyễn Thị M2, sinh năm 1961, Nguyễn Thị Ú1, sinh năm 1964, Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966, Nguyễn Văn L2, sinh năm 1968, chết năm 1987, Nguyễn Văn T8, sinh năm 1970 chết năm 2008.

Ông Nguyễn Văn M3 có để lại di chúc trước khi mất. Trong di chúc có nêu là để lại cho chị thừa hưởng một phần tài sản theo di chúc nhưng khi ông nội chị mất thì các cô bác và bà nội của chị đã làm văn bản phân chia và tặng cho di sản, điều này tước đi quyền được thừa hưởng di sản theo di chúc của chị. Nên chị có yêu cầu phản tố như sau:

1/ Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N có 05 người con của bà T7;

2/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Kim T7, được cấp ngày 10/4/2018 đối với thửa đất số 276 và 553 nêu trên.

3/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ngô Kim T7 và Nguyễn Thanh H lập ngày 10/8/2018;

4/ Yêu cầu công nhận di chúc và chia theo di chúc theo trường hợp thứ 2 của ông N4 và bà N4 nêu ngày 24/8/2008 đối với thửa đất số 276 diện tích 1223m² và thửa đất số 553, diện tích 3459 m².

5/ Yêu cầu ông Nguyễn Thanh H tháo dỡ nhà và hàng rào, bồi thường thiệt hại cây ông H đã đốn và tiền ông H thu hoạch quả trên cây hiện còn từ tháng 6/2022 đến

tháng 12/2022 do bà Lê Thị Thanh T10 trên thửa đất số 553 trên. Phần thiệt hại tạm tính:

- Cây bị đốn: 1 cây nhãn 10 năm tuổi, 2 cây vú sữa 10 năm tuổi, 2 cây vú sữa 8 năm tuổi: 3 x 20.000.000 đồng (tính theo trị giá cây trồng);

- T11 thu hoạch quả cây hiện còn /1 tháng: 2.500.000 đồng/ 1 tháng x 6 tháng = 15.000.000 đồng.

- Tổng thiệt hại yêu cầu ông H bồi thường: 75.000.000 đồng.

- Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T2 trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 06/2/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.404,0m², thuộc thửa số 795, yêu cầu này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 210/2022/DSPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bị đơn và xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Ngọc M1, Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Thanh N2, Huỳnh Thị Ú, Nguyễn Công N1, Nguyễn Thị Huỳnh M, Nguyễn Thị O, Nguyễn Duy T5, Nguyễn Thị N, Nguyễn Huỳnh Đ3, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Y thống nhất trình bày:

Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 và xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ú1 đã được Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua ủy thác tư pháp nhưng không có ý kiến và không có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2024/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 20/QĐ-SCBSBA ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Ngô Kim T7 theo di chúc ngày 25/9/2018.

- Chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 552,9m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018, phần

giáp với thửa đất 277. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp) (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 05/4/2024 kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản và công trình kiến trúc và cây trồng gắn trên phần diện tích đất được chia.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho bà Lê Thị Thanh C tài sản và công trình kiến trúc gắn trên phần đất được chia của Lê Thị T2 và ông Nguyễn Văn T8 gồm: Cổng rào giá 3.729.600 đồng, nhà vệ sinh giá 5.451.908 đồng, nhà bếp giá 10.520.016 đồng, một phần nền xi măng 8.265.075 đồng, một phần tường rào 6.954.318 đồng, tổng cộng 34.920.917 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án phần tiền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 đối với yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn M3 theo di chúc ngày 24/8/2008.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 diện tích 670,2m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018, phần giáp với đất chia cho bà Nguyễn Thị T (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 05/4/2024 kèm theo).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 diện tích 2.074,8m² một phần thửa 553 nay là đất thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp) (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 08/3/2024 kèm theo).

- Chị Nguyễn Thị Thanh T3 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản và công trình kiến trúc và cây trồng gắn trên hai phần diện tích đất được chia.

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 đối với:

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N có 05 người con của bà T7;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Kim T7, được cấp ngày 10/4/2018 đối với thửa đất số 276 và 553 nêu trên.

- Yêu cầu công nhận di chúc và chia theo di chúc theo trường hợp thứ hai của bà Ngô Kim T7 ngày 24/8/2008 đối với thửa đất số 276 diện tích 1223m² và thửa đất số 553, diện tích 3459 m².

- Yêu cầu ông Nguyễn Thanh H tháo dỡ nhà và hàng rào, bồi thường thiệt hại cây ông H đã đốn và tiền ông H thu hoạch quả trên cây hiện còn từ tháng 6/2022 đến

tháng 04/2024 do bà Lê Thị Thanh T10 trên thửa đất số 553 trên, tổng cộng số tiền: 127.000.000 đồng.

4/ Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được quyết định trong bản án.

5/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 về việc Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ngô Kim T7 và Nguyễn Thanh H lập ngày 10/8/2018.

6/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ thờ gỗ cẩm lai; 02 bộ ván ngựa gỗ gõ đỏ; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 đồng hồ treo tường; 01 bàn dài bằng gỗ gõ đỏ có cạnh ốc và 6 ghế ngồi; 02 bàn tròn bằng inox.

Bà Nguyễn Thị T được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đình chỉ theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/6/2024 chị Nguyễn Thị Thanh T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giám định chữ ký của bà Ngô Kim T7, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà T3 trình bày: Bà T3 không yêu cầu giám định chữ ký của bà Ngô Kim T7. Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì ông Nguyễn Thanh N3 chết, có vợ là Nguyễn Thị N. Ông N3 và bà N có 4 con chung là Nguyễn Duy T12, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị Huỳnh M. Bản án có nêu tên bà O ở trang 6 nhưng không đưa tham gia tố tụng ở phần đầu bản án. Ông Nguyễn Văn Đ2 chết năm 2017, có vợ là Huỳnh Thị Ú. Ông Đ2 và bà Ú có 4 người con là Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Thị Ngọc M1 và Nguyễn Thanh N2. Bản án có nêu tên Nguyễn Thanh N2 ở trang 6 nhưng không đưa tham gia tố tụng ở phần đầu bản án. Bà T3 cho rằng án sơ thẩm không công nhận Di chúc của cụ M3, cụ T7 là không đúng vì Di chúc có chính quyền địa phương xác nhận, hình thức, nội dung phù hợp. Án sơ thẩm công nhận Di chúc của cụ T7. Biên bản hoà giải có nói đến bà Nguyễn Thị M2, chia di sản bà M2 và ông T8 không ký biên bản. Kháng cáo của bà T3 có cơ sở vì chưa có đính chính của bản án sơ thẩm. Toà án cần xem xét huỷ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, của ông N2 và bà O. Nếu Toà án không huỷ bản án sơ thẩm thì xem xét. Toàn bộ tài sản của Cụ M3 xác nhập vào cụ T7. Cụ T7 chuyển nhượng cho ông H. Việc cụ T7 đứng tên là trái pháp luật dẫn đến việc chuyển nhượng cho H trái pháp luật và Di chúc của cụ T7 tặng cho trái pháp luật. Di chúc chưa chia, văn bản này vô hiệu. Đại diện bà T

xác định bà T3 yêu cầu chia Di chúc của cụ T7, cụ M3. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T3.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm có mời bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Thanh N2. Bà O và ông N2 có lời khai, có đơn xin vắng mặt. Việc vắng mặt bà O và ông N2 không có ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Việc chuyển nhượng đất cho ông H, bản án của Tòa án nhân dân cấp cao xử trước đây đã nhận định rõ. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà T3 không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà T3 trình bày: Ông vẫn giữ ý kiến là hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công Tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T3

Bản án sơ thẩm giải quyết có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T3, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thanh T3 có yêu cầu phản tố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Ngô Kim T7 và ông Nguyễn Thanh H lập ngày 10/8/2018.

Yêu cầu này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 210/2022/DS-PT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị T3 đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Ngô Kim T7 và ông Nguyễn Thanh H lập ngày 10/8/2018 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 29/9/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ thờ gỗ cẩm lai, tạm tính 200.000.000 đồng; 02 bộ ván ngựa gỗ gõ đỏ, tạm tính 200.000.000 đồng; 01 giường

ngủ bằng gỗ, tạm tính 20.000.000 đồng; 01 đồng hồ treo tường, tạm tính 5.000.000 đồng; 01 bàn dài bằng gỗ gỗ đỏ có cần óc và 6 ghế ngồi, tạm tính 100.000.000 đồng; 02 bàn tròn bằng inox, tạm tính 2.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[2.3] Các đương sự thống nhất: Cụ Nguyễn Văn M3 (chết năm 2009) chung sống với cụ Ngô Kim T7 (chết năm 2021) có 10 người con gồm:

Ông Nguyễn Thanh N3, sinh năm 1952 chết năm 2019,

Ông Nguyễn Công N1, sinh năm 1951,

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955,

Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1956 chết năm 2017,

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957,

Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1961,

Bà Nguyễn Thị Ú1, sinh năm 1964,

Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966,

Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1968 chết năm 1987,

Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1970 chết năm 2008.

Ngoài ra, cụ M3 còn có 03 người con riêng gồm: Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Huỳnh Đ3. Cha mẹ của cụ M3 và cụ T7 đã chết.

Người thừa kế theo pháp luật của cụ M3 và cụ T7 theo quy định tại Điều 613 Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm: Ông Nguyễn Thanh N3, Nguyễn Công N1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị Ú1, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T8. Ngoài ra hàng thừa kế của cụ M3 còn có ba người con riêng là Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Huỳnh Đ3.

[2.4] Cụ M3 và cụ T7 chung sống vợ chồng trước năm 1952, theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”, đối với hai thửa đất 553 và 276 là của cha mẹ cụ M3 cho trong thời kỳ cụ M3 và cụ T7 chung sống vợ chồng. Thể hiện hai thửa đất trên do cụ Nguyễn Văn M3 đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ vào ngày 30/8/1993 và tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án dân sự phúc thẩm số: 210/2022/DS-PT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định hai thửa đất gồm: Thửa 276, diện tích 1.223m², tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 553, diện tích 3.479,5m², tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, là tài sản chung của vợ chồng cụ M3, T7.

Hai thửa đất 553 và 276 là tài sản chung của vợ chồng cụ M3 và cụ T7. Do đó tài sản mỗi người cụ M3 và cụ T7 có $\frac{1}{2}$ thửa đất 553 có diện tích 1.739,75m² và $\frac{1}{2}$ thửa đất 276 có diện tích 611,5m².

[2.5] Di chúc ngày 24/8/2008 của vợ chồng cụ M3 và cụ T7 là một giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nhưng giao dịch này chưa được thực hiện và có nội dung khác với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của chị T3 (Bộ luật Dân sự 2005 quy định nội dung khác so với Bộ luật Dân sự 2015 về hiệu lực di chúc chung của vợ chồng) và Di chúc của cụ T7 lập ngày 25/9/2018 áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là có căn cứ.

Năm 2009 cụ M3 chết, khi còn sống, cụ Nguyễn Văn M3 và cụ Ngô Kim T7 cùng lập di chúc ngày 24/8/2008 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để định đoạt khối tài sản này. Di chúc của cụ M3 ngày 24/8/2008 là di chúc bằng văn bản có chứng thực đúng theo quy định tại Điều 647, 649, 650 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ngày 24/8/2008 cụ M3 và cụ T7 cùng lập di chúc để định đoạt tài sản, tuy nhiên đến năm 2018 thì cụ T7 đã thay đổi việc định đoạt tài sản riêng của mình và lập lại di chúc ngày 25/9/2018. Di chúc ngày 25/9/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để định đoạt tài sản riêng của mình. Năm 2019 cụ T7 chết. Việc sửa đổi nội dung di chúc của cụ T7 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 664, Điều 667 Bộ luật Dân sự 2005. Trong đó $\frac{1}{2}$ tài sản thửa đất 553 có diện tích 1.739,75m² và $\frac{1}{2}$ thửa đất 276 có diện tích 611,5m² cụ T7 định đoạt lại: Diện tích đất 1404,0m² tại thửa 553 cụ T7 chuyển nhượng phần tài sản của mình cho ông Nguyễn Thanh H theo hợp đồng ngày 23/7/2018 và thửa đất 276 có diện tích 652,5m² tại di chúc ngày 25/9/2018 cụ T7 định đoạt cho bà T. Việc định đoạt tài sản nói trên cũng không vượt quá phần tài sản của cụ T7 trong khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, cụ T7 có quyền.

[2.6] Theo nội dung di chúc số 142 ngày 25/9/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thì bà T7 định đoạt tài sản trên như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu: Diện tích đất 625,4m² (ngang 14m, dài 46,6m) thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có căn nhà kiên cố gắn liền với đất, toàn bộ vật dụng có trong nhà, cây trồng trên đất (vị trí phần đất này phía Tây giáp với đất của bà Nguyễn Thị K1, vợ ông Nguyễn Ngọc T9).

2/ Chia cho cháu T3 được hưởng:

- Diện tích 2074,8m² đất thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều

chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Diện tích 570,6m² đất còn lại cùng căn nhà (nhà dưới) gắn liền với đất thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc số 142 ngày 25/9/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do cụ Ngô Kim T7 chết để lại gồm: Diện tích đất 625,4m² (ngang 14m dài 46,6m) thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018 là có căn cứ.

Bà T yêu cầu chia cho bà nhận phần diện tích đất 552,9m² giáp với thửa đất 277 theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 05/4/2024. Phần diện tích thực tế bà T yêu cầu nhận ít hơn phần diện tích bà T7 định đoạt cho bà T theo di chúc, đây là sự tự nguyện của bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[2.7] Chị T3 yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã N. Tại văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 giữa những người trong hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn M3 gồm: Nguyễn Công N1, Nguyễn Thanh N3, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T6 và cụ Ngô Kim T7. Trên cơ sở đó cụ T7 đi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Mặc dù ½ di sản của cụ M3 theo văn bản ngày 20/10/2017 đã được tặng cho cụ T7, nhưng khi định đoạt tài sản thì cụ T7 chỉ định đoạt trong ½ tài sản của mình, đối với ½ tài sản của cụ M3 thì cụ T7 hoàn toàn không có định đoạt mà để cho chị T3 theo ý chí. Do đó không làm ảnh hưởng đến việc định đoạt tài sản của cụ M3 theo ý chí tại di chúc ngày 24/8/2008.

Bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017, cụ M3 đứng tên quyền sử dụng đất tài sản chung của cụ M3 và cụ T7, khi cụ M3 chết, cụ T7 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không sai, văn bản ngày 20/10/2017 có vi phạm là không có đầy đủ chữ ký của hàng thừa kế theo pháp luật của cụ M3. Tuy nhiên việc cụ T7 định đoạt tài sản trong phạm vi của mình, không ảnh hưởng đến tài sản của cụ M3, tài sản của cụ M3 có di chúc. Khi người được hưởng theo di chúc của cụ M3 sẽ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận phần di sản mình được nhận. Cụ M3 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất là tài sản của cụ M3 và cụ T7, khi cụ M3 chết thì cụ T7 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của cụ T7 là đúng theo quy định của Luật Đất đai và căn cứ vào bản án, cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết điều chỉnh biên động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T3 yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ngô Kim T7 là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Thanh H tháo dỡ nhà và hàng rào, bồi thường thiệt hại cây ông H đã đốn và tiền ông H thu hoạch quả trên cây hiện còn từ tháng 6/2022 đến tháng 04/2024 do bà Lê Thị Thanh T10 trên thửa đất số 553 trên. Phần thiệt hại tạm tính:

- Cây bị đốn: 1 cây nhãn 10 năm tuổi, 2 cây vú sữa 10 năm tuổi, 2 cây vú sữa 8 năm tuổi: 3 x 20.000.000 đồng (tính theo trị giá cây trồng);
- T11 thu hoạch quả cây hiện còn /1 tháng: 2.500.000 đồng/ 1 tháng x 6 tháng = 15.000.000 đồng + đơn kiện bổ sung ngày 17/4/2024 là 52.000.000 đồng.
- Tổng thiệt hại yêu cầu ông H bồi thường: 127.000.000 đồng.

Thửa đất số 553 là tài sản của cụ M3 và cụ T7, tại di chúc ngày 24/8/2008 thì cụ M3 và cụ T7 có thể hiện là đất và tài sản trên đất, sau khi cụ M3 chết thì cụ T7 quản lý canh tác đất đến năm 2019 cụ T7 mới chết. Theo bà T trình bày toàn bộ cây trồng trên thửa đất 553 là của cụ T7 trồng, bà T2 cho rằng cây trồng trên thửa đất 553 là do bà trồng nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh. Năm 2018 cụ T7 đã chuyển nhượng diện tích 1.404m² tại thửa 553 cho ông H. Ông H được cấp quyền sử dụng đất thửa 795, diện tích 1404,0m² do đó tài sản ông H cất trên thửa đất 795 là của ông H. Bà T2, chị T3 không phải là chủ sở hữu đối với thửa 795, diện tích 1404,0m², do đó bà T2 và chị T3 yêu cầu ông Nguyễn Thanh H tháo dỡ nhà và hàng rào, bồi thường thiệt hại cây ông H đã đốn và tiền ông H thu hoạch quả trên cây hiện còn từ tháng 6/2022 đến tháng 04/2024 do bà Lê Thị Thanh T10 trên thửa đất số 553, tổng cộng 127.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.8] Chị T3 yêu cầu công nhận di chúc và chia theo di chúc theo trường hợp thứ hai của ông N4 và bà N4 nêu ngày 24/8/2008 đối với thửa đất số 276 diện tích 1223m² và thửa đất số 553, diện tích 3459 m².

Di chúc ngày 24/8/2008 thể hiện nội dung: Ở trường hợp thứ nhất nếu bà Nguyễn Thị Ú1 (bí danh Ú) hiện định cư ở Mỹ sau này có về Việt Nam định cư thì được sử dụng một phần đất giáp phía đông căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 276 với kích thước dài 43,26m x rộng 9,0m (chính là phần đất trống phía tay phải đứng trong nhà nhìn ra). Phần đất và tài sản còn lại trên thửa 276 và thửa 553 tôi để lại cho cháu nội tôi là Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 24/10/2001 là con của ông Nguyễn Văn T8 và bà Lê Thị T2 được thừa hưởng sau khi vợ chồng tôi qua đời và cháu Thanh T3 đủ 18 tuổi.

Ở trường hợp thứ hai: Nếu con tôi Nguyễn Thị Ú1 hiện định cư tại Mỹ sau này không về Việt Nam định cư thì phần tài sản và đất trên thửa 276 và thửa 553 tôi để lại cho cháu Thanh T3 được thừa hưởng sau khi vợ chồng tôi qua đời và cháu Thanh T3 đủ 18 tuổi.

Tòa án thụ lý vụ án và đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho bà Ú1, nhưng bà Ú1 không có ý kiến gì đối với việc nhận di sản của cụ M3 và không có mặt dự phiên tòa và cũng không có căn cứ để chứng minh bà Ú1 sẽ về Việt Nam định cư nhưng trường hợp thứ nhất quy định tại di chúc ngày 24/8/2008. Do đó coi như bà Ú1 đã từ bỏ việc nhận tài sản thừa kế theo trường hợp thứ nhất của di chúc.

Chị T3 phân tổ công nhận di chúc và chia theo di chúc theo trường hợp thứ hai của ông N4 và bà N4 nêu ngày 24/8/2008 đối với thửa đất số 276 diện tích 1223m² và thửa đất số 553, diện tích 3459 m², là chưa có căn cứ đối với phần di sản của cụ T7, vì cụ T7 đã định đoạt lại, chỉ có căn cứ đối với phần di sản của cụ M3 theo di chúc ngày 24/8/2008 là định đoạt cho chị T3. Do đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phân tổ của chị T3 chia thừa kế di sản của cụ M3 theo di chúc ngày 24/8/2008. Tuy nhiên phần tài sản cụ T7 đã định đoạt còn dư và giao hết lại cho chị T3 phần của mình còn dư và phần của cụ M3. Do đó chị được nhận phần di sản gồm: diện tích 670,2m² tại thửa 276 và diện tích 2.074,8m² ở thửa 553 nay là thửa 974.

[2.9] Trên phần đất tranh chấp tại thửa 276 theo bà T2 trình bày toàn bộ nhà công trình, cây trồng trên đất là của vợ chồng bà. Tại phiên tòa chị T3 thống nhất yêu thực hiện theo di chúc của cụ M3 và cụ T7 ngày 24/8/2008, tại di chúc thể hiện trên phần đất thửa 276 có tài sản trên đất là nhà và chị T3 cũng thừa nhận nhà là của cụ M3 và cụ T7.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án dân sự phúc thẩm số 210/2022/DS-PT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Trên phần đất thửa 276, vợ chồng cụ M3 và cụ T7 có cất một căn nhà cấp 3 (trong đó, nhà chính, nhà phụ, hàng rào phía trước và hàng rào bên hông là của vợ chồng cụ; còn các tài sản còn lại là của vợ chồng bà T2, cất vào năm 1998). Nhà cất trước khi ông Nguyễn Văn T8 cưới bà Lê Thị T2. Ông T8 và bà T2 về làm riêng, đi nuôi ông, không phụ giúp gì cho gia đình, sau này có phụ làm nhà dưới và hàng rào.

Bà T2 cung cấp tờ tường trình của ông Nguyễn Văn H1 ngày 25/4/2024 xác nhận tháng 8/1998 có nhận xây dựng cho vợ chồng bà T2 căn nhà tại địa chỉ ấp Q, xã N và ông Trương Minh T13 ngày 17/02/2021 xác nhận có bán vật liệu xây dựng cho ông T8, bà T2, nhưng không xác định rõ đó có phải là căn nhà đang tranh chấp hay không, thời điểm này căn nhà đang tranh chấp là của cụ M3, cụ T7. Do đó bà T2 cho rằng toàn bộ tài sản nhà công trình trên thửa đất 276 của bà là không có căn cứ chấp nhận. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 31/5/2024 thể hiện tại thửa 276 có nhà chính, nhà phụ nền gạch, nhà phụ nền xi măng, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà kho, cổng rào, hàng rào lưới B40, hàng rào song sắt, tường rào phía sau, nền bên hông. Phần tài sản của bà T2, ông T8 là nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà kho, cổng rào, tường rào phía sau.

Trên phần diện tích đất chia cho bà T theo chứng thư thẩm định giá ngày 27/4/2024 có các tài sản của bà T2 và ông T8 gồm: Cổng rào giá 3.729.600 đồng, nhà vệ sinh giá 5.451.908 đồng, nhà bếp giá 10.520.016 đồng, một phần nền xi măng 8.265.075 đồng, một phần tường rào 6.954.318 đồng, tổng cộng 34.920.917 đồng. Do bà T nhận phần diện tích đất có các tài sản của bà T2, ông T8 không thể tháo dỡ di dời được, nên giao cho bà T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà T2 và chị T3 giá trị phần tài sản trên tổng cộng là 34.920.917 đồng.

[2.10] Các nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

[2.11] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho chị T3 đề nghị huỷ án vì không đưa bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Thanh N2 vào tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy bà O và bà N2 đã được Tòa án cấp sơ thẩm mời, có lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt xét xử ở Tòa án các cấp thể hiện bà O (Bút lục 217-219), ông N2 (Bút lục 230-232) cũng thống nhất ý kiến của bà T. Tòa án cấp sơ thẩm tại trang 6 có ghi tên bà O, ông N2 nhưng phần đầu bản án chưa ghi đầy đủ, có thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Quyền lợi của bà O, ông N2 không ảnh hưởng gì nên không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm như ý kiến của người bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho chị T3 nêu ra.

[3] Từ những phân tích trên, chị T3 kháng cáo không có căn cứ, không đưa ra tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa cũng như người bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị T3 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 74, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 476, khoản 5 Điều 447, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 647, 649, 650, Điều 652, Khoản 2 Điều 664, Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 625, 628, 635, 636, 643 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 166, 179, 188 Luật Đất đai.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T3.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/20245/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp):

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Ngô Kim T7 theo di chúc ngày 25/9/2018.

- Chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 552,9m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018, phần giáp với thửa đất 277. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp) (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 05/4/2024 kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản và công trình kiến trúc và cây trồng gắn trên phần diện tích đất được chia.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho bà Lê Thị Thanh C tài sản và công trình kiến trúc gắn trên phần đất được chia của Lê Thị T2 và ông Nguyễn Văn T8 gồm: Cổng rào giá 3.729.600 đồng, nhà vệ sinh giá 5.451.908 đồng, nhà bếp giá 10.520.016 đồng, một phần nền xi măng 8.265.075 đồng, một phần tường rào 6.954.318 đồng, tổng cộng 34.920.917 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án phần tiền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 đối với yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn M3 theo di chúc ngày 24/8/2008.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 diện tích 670,2m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02580 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho cụ Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018, phần giáp với đất chia cho bà Nguyễn Thị T (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 05/4/2024 kèm theo).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 diện tích 2.074,8m² một phần thửa 553 nay là đất thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02581 ngày 20/7/2007, đứng tên hộ Nguyễn Văn M3, điều chỉnh trang 4 cho bà Ngô Kim T7 ngày 10/4/2018. Tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (nay là phường N, tỉnh Đồng Tháp) (có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 07/3/2024 kèm theo).

- Chị Nguyễn Thị Thanh T3 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản và công trình kiến trúc và cây trồng gắn trên hai phần diện tích đất được chia.

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 đối với:

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 20/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N có 05 người con của cụ T7;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ngô Kim T7, được cấp ngày 10/4/2018 đối với thửa đất số 276 và 553 nêu trên.

- Yêu cầu công nhận di chúc và chia theo di chúc theo trường hợp thứ hai của cụ Ngô Kim T7 ngày 24/8/2008 đối với thửa đất số 276 diện tích 1223m² và thửa đất số 553, diện tích 3459 m².

- Yêu cầu ông Nguyễn Thanh H tháo dỡ nhà và hàng rào, bồi thường thiệt hại cây ông H đã đốn và tiền ông H thu hoạch quả trên cây hiện còn từ tháng 6/2022 đến tháng 04/2024 do bà Lê Thị Thanh T10 trên thửa đất số 553 trên, tổng cộng số tiền: 127.000.000 đồng.

4/ Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được quyết định trong bản án.

5/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T3 về việc Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Ngô Kim T7 và ông Nguyễn Thanh H lập ngày 10/8/2018.

6/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ thờ gỗ cẩm lai; 02 bộ ván ngựa gỗ gõ đỏ; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 đồng hồ treo tường; 01 bàn dài bằng gỗ gõ đỏ có cân óc và 6 ghế ngồi; 02 bàn tròn bằng inox.

Bà Nguyễn Thị T được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đình chỉ theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

7/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh T3 phải chịu 61.945.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia và 300.000 đồng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng cộng: 62.245.000 đồng.

Được khấu trừ vào số tiền 14.227.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000442 ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành dân sự tỉnh T (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp), nên còn phải nộp tiếp 48.018.000 đồng.

7/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T3 đã nộp theo Biên lai thu số 0000281 ngày 26/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu HSVA (NTTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương